

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ VÀ BỔ SUNG CÂN ĐỐI, BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ
NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: #sovb/BC-UBND ngày #nbh/12/2024 của UBND huyện Phước Sơn)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NS cấp xã	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Thu NS xã hưởng 100%	Thu NS xã hưởng từ các khoản thu phân chia			
A	B	1=2+5+6	2=3+4	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	131.944,000	460,000	460,000	-	77.938,000	53.546,000	131.944,000
1	Khâm Đức	14.141,550	248,000	248,000	-	6.484,100	7.409,450	14.141,550
2	Phước Đức	10.037,365	24,000	24,000	-	6.710,800	3.302,565	10.037,365
3	Phước Năng	9.565,805	17,000	17,000	-	6.433,500	3.115,305	9.565,805
4	Phước Mỹ	10.374,527	17,000	17,000	-	6.433,500	3.924,027	10.374,527
5	Phước Chánh	10.092,837	15,000	15,000	-	6.725,000	3.352,837	10.092,837
6	Phước Công	8.993,248	20,000	20,000	-	6.285,700	2.687,548	8.993,248
7	Phước Kim	9.396,274	13,000	13,000	-	6.437,500	2.945,774	9.396,274
8	Phước Thành	9.815,659	20,000	20,000	-	6.575,200	3.220,459	9.815,659
9	Phước Lộc	9.187,298	13,000	13,000	-	6.437,400	2.736,898	9.187,298
10	Phước Xuân	9.198,196	20,000	20,000	-	6.426,500	2.751,696	9.198,196
11	Phước Hiệp	10.049,596	40,000	40,000	-	6.696,100	3.313,496	10.049,596
12	Phước Hòa	9.173,876	13,000	13,000	-	6.292,700	2.868,176	9.173,876
13	BSMT chưa phân bổ	11.917,769					11.917,769	11.917,769